|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN LÂM HÀ  TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN HÀ I  Số: 236/KH-TrTHTHI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  *Tân Hà, ngày 30 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2024 - 2025**

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội;

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thực hiện Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Công số 1321/SGDĐT-GDTH và GDMN ngày 20/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024– 2025;

Thực hiện Công số 793/CV-GD ngày 29/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Lâm Hà về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024– 2025;

Thực hiện Công văn số 259/CV-GD ngày 02/7/2021 của Phòng GD&ĐT Lâm Hà về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022;

Căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 và tình hình thực tế của nhà trường năm học 2024-2025.

Trường Tiểu học Tân Hà I xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

**II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025**

**1. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi**

a). Sứ mệnh

Xây dựng được môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng. Đội ngũ chuyên sâu, có đủ Đức, Tâm và Tài để mỗi cán bộm giáo viên và nhân viên thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nhân tài cho đất nước.

Tạo điều kiện để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, được trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để các em phát huy hết năng lực, sở trưởng, tư duy sáng tạo cá nhân.

b). Tầm nhìn

Trường Tiểu học Tân Hà I hướng đến mục tiêu xây dựng nhà trường phát triển toàn diện, bền vững.

Với phương châm «Chất lượng giáo dục là danh dự, là uy tín của nhà trường». Xây dựng nhà trường Thân thiện-Tích cực. Hướng tới nhà trường là nơi đáng tin cậy để phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em học tập.

c). Giá trị cốt lõi

-Lòng yêu nước, tự hào dân tộc;

- Tình đoàn kết, lòng nhân ái;

- Tính trung thực, lòng tự trọng;

- Sự hợp tác, tinh thần trách nhiệm;

- Tính năng động, sáng tạo;

- Tính kiên trì, khát vọng vươn lên;

- Khả năng thích nghi và hội nhập.

**2. Thời cơ, thách thức**

a). Thời cơ

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Phòng GD-ĐT Lâm Hà, cấp ủy Đảng, UBND xã Tân Hà, UBND huyện Lâm Hà. Có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các ban ngành đoàn thể và sự đồng thuận của nhân dân địa phương, phụ huynh học sinh.

- Với quy mô trường hạng I, trường vừa được công nhận KĐCL cấp độ 3, trường đạt chuẩn mức độ 2 nên có sự cạnh tranh tích cực giữa các trường tiểu học trên địa bàn xã.

- Nhà trường được đông đảo phụ huynh và học sinh tín nhiệm, thường xuyên làm tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy cũng như giáo dục học sinh.

b). Thách thức

- Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, toàn cấp thực hiện chương trình GDPT 2018 đòi hỏi CBQL, giáo viên phải có những thay đổi mạnh mẽ về mọi mặt.

- Khả năng sáng tạo và UDCNTT, trình độ ngoại ngữ của một bộ phận CBQL, giáo viên còn hạn chế.

- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, thiếu sự phối kết hợp với nhà trường trong giáo dục con em mình nên hiệu quả giáo dục của một số học sinh chưa được cao, chưa như mong muốn của gia đình cũng như của nhà trường.

**3. Điểm mạnh, điểm yếu**

a). Điểm mạnh

- Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, thông nhất, hầu hết CBQL, giáo viên và nhân viên đều có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, luôn cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trên 80% CBQL, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn; phần lớn đều có tay nghề vững, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác.

- Tỷ lệ học sinh trên lớp của trường đảm bảo theo Điều lệ Trường Tiểu học trung bình không quá 35 học sinh/ lớp vì thế thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động dạy học, kết quả chất lượng giáo dục luôn đạt ở mức cao so với mặt bằng chung của huyện.

- Cơ sở vật chất nhà trường đã được đầu tư xây dựng khang trang có đầy đủ các phòng chức năng phục vụ cho dạy học.

b). Điểm yếu

- Là năm cuối cùng thực hiện thay sách giáo khoa theo chương trình GDPT 2018 nhưng việc cung cấp đồ dung, trang thiết bị dạy học luôn chậm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

- Một số giáo viên lớn tuổi việc tấp cận phương pháp dạy học mới, hình thức tổ chức, kỹ thuật dạy học tích cực còn chậm, khả năng ứng dụng CNTT phục vụ giảng dạy thiếu thường xuyên nên chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng đổi mới.

- Kỹ năng sống của một số học sinh còn hạn chế, do các em ít được giao lưu tiếp xúc với bên ngoài nhiều, có những em bị ảnh hưởng từ cách sống của gia đình nên cũng ảnh hưởng tới tâm lí của các em từ đó cũng ảnh hưởng tới chất lượng học tập của các em này.

**4. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Trường Tiểu học Tân Hà I là một trường tiểu học thuộc trung tâm của 6 xã, là địa phương có nền kinh tế phát triển so với mặt chung của huyện; Có sự cạnh tranh tích cực giữa các trường tiểu học trong địa bàn xã và cụm xã;

Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến công tác giáo dục tại địa phương trong đó có Trường Tiểu học Tân Hà I; tạo điều kiện tốt cho nhà trường phát triển về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ; Có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các ban ngành đoàn thể và sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân địa phương;

**5. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 - 2025**

a). Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024 - 2025, toàn trường có 19 lớp với 619 học sinh, giảm 06 học sinh so với cùng kỳ năm ngoái;

Học sinh học đúng độ tuổi với tỉ lệ cao (615/619, tỉ lệ: 99,4%); 100% học sinh chăm ngoan, có ý thức tốt trong học tập và rèn luyện;

Tỷ lệ học sinh/lớp phù hợp đảm bảo theo quy định trường chuẩn (619 HS/19 lớp, tỉ lệ 32.6 HS/lớp) thuận lợi cho giáo viên trong giảng dạy, rèn kỹ năng và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục;

Số học sinh cụ thể từng khối như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số học sinh | Nữ | Dân tộc | HS học 2 buổi/ ngày | HSKT | HS có hoàn cảnh KK | Tỉ lệ HS/lớp |
| I | 110 | 51 | 04 | 110 | 01 | 7 | 36,7 |
| II | 123 | 62 | 01 | 123 | 01 | 18 | 30,8 |
| III | 121 | 58 | 01 | 121 | 0 | 7 | 30,3 |
| IV | 143 | 72 | 02 | 143 | 0 | 12 | 35,8 |
| V | 122 | 50 | 04 | 122 | 0 | 11 | 30,5 |
| **Toàn trường** | **619** | **293** | **12** | **619** | **02** | **55** | **32,6** |

Bên cạnh những thuận lợi trên, nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm tới việc học của con em mình. Ngoài ra một số học sinh nhà xa muốn ở lại trường nhưng do nhà trường không có đủ cơ sở vật chất tổ chức học bán trú nên học sinh ở lại không có chỗ ăn, nghỉ cũng ảnh hưởng đến sức khỏe học tập buổi thứ hai.

b). Tình hình đội ngũ, giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đội ngũ CBQL, GV, NV được bố trí đủ về cơ cấu, số lượng theo quy định đối với trường tiểu học Hạng I. Giáo viên được bố trí 1,36 GV/lớp, cụ thể: 26 giáo viên/19 lớp, trong đó: 20 giáo viên tiểu học, 01 giáo viên Âm nhạc, 01 giáo viên Thể dục, 01 giáo viên Mĩ thuật, 02 giáo viên tiếng Anh, 01 GV Tin học, Công nghệ. Tất cả giáo viên đều được phân công giảng dạy đúng theo chuyên môn được đào tạo;

Nhà trường có chi bộ đảng sinh hoạt độc lập với 16 đảng viên, thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện đối với chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường;

100% CBQL, GV, nhân viên có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên; trong đó, CBQL, GV có trình độ đào tạo đại học chiếm tỉ lệ 90% (27/30); 01 CBQL có trình độ Thạc sĩ; toàn trường còn 03 giáo viên có trình độ cao đẳng là những giáo viên lớn tuổi còn 1năm nữa nghỉ hưu và có 01 giáo viên nghỉ hưu trong HKI năm học này;

Tập thể nhà trường đoàn kết, thống nhất, đa số giáo viên, nhân viên có ý thức, trách nhiệm cao trong công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Nhà trường có nhân tố tích cực, điển hình: 03 chiến sĩ thi đua cấp huyện; 03 CB, GV được UBND huyện khen;

* Tuy nhiên, về đội ngũ giáo viên còn một số hạn chế, cụ thể như sau: Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều. Một số GV chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo nhưng trong độ tuổi không thuộc lộ trình phải học nâng chuẩn. Một số giáo viên chưa năng động, chưa mạnh dạn đổi mới sáng tạo, một số giáo viên có kỹ năng công nghệ thông tin chưa thật tốt.

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý và 60% giáo viên, nhân viên còn hạn chế;

c). Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

Khuôn viên, cảnh quan nhà trường được tôn tạo, chăm sóc, bảo vệ, tạo được môi trường thân thiện, lành mạnh, mang tính sư phạm, tính giáo dục cao.

Hệ thống phòng học đủ 1 lớp/1 phòng học, đáp ứng được việc tổ chức cho 100% số lớp được học 2 buổi/ngày;

Hiện nay khối phòng học chức năng, khối văn phòng đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng góp phần nâng cao chất lượng làm việc cũng như dạy học đạt hiệu quả hơn.

**III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024-2025**

Chủ đề năm học 2023-2024 ***“Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”.***

**1. Mục tiêu chung**

a). Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

b). Thực hiện hiệu quả chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với toàn trường.

c)**.** Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

d)**.** Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; bảo đảm học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019 góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng.

e)**.** Chú trọng thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học *(được quy định tại Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học*) theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**a). Mục tiêu xếp loại từng môn học/hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/HĐGD** | **Tổng số** | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
|  |  | **SL** | **Tỉ lệ** | **SL** | **Tỉ lệ** | **SL** | **Tỉ lệ** | **SL** | **Tỉ lệ** | **SL** | **Tỉ lệ** |
| **1. Tiếng Việt** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **55** | **50** | **48** | **39** | **49** | **40,5** | **50** | **35** | **40** | **32,8** |
| **Hoàn thành** |  | **55** | **50** | **75** | **61** | **72** | **59,5** | **93** | **65** | **82** | **67,2** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **2. Toán** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **62** | **56,4** | **57** | **46,3** | **57** | **47,1** | **57** | **39,9** | **45** | **36,9** |
| **Hoàn thành** |  | **48** | **43,6** | **66** | **53,7** | **64** | **52,9** | **86** | **60,1** | **77** | **63,1** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **3. Đạo đức** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **83** | **75,5** | **75** | **61** | **72** | **59,5** | **87** | **60,8** | **87** | **71,3** |
| **Hoàn thành** |  | **27** | **24,5** | **48** | **39** | **49** | **40,5** | **56** | **39,2** | **35** | **28,7** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **4. TNXH** | **354** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **81** | **73,6** | **67** | **54,5** | **65** | **53,7** |  |  |  |  |
| **Hoàn thành** |  | **29** | **26,4** | **56** | **45,5** | **66** | **46,3** |  |  |  |  |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |  |  |  |  |
| **5.Âm nhạc** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **43** | **29,1** | **57** | **46,3** | **51** | **42,1** | **45** | **31,5** | **46** | **37,7** |
| **Hoàn thành** |  | **67** | **60,9** | **66** | **53,7** | **70** | **57,9** | **98** | **68,5** | **76** | **62,3** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **6. Mĩ thuật** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **43** | **29,1** | **52** | **42,3** | **44** | **36,4** | **45** | **31,5** | **37** | **30** |
| **Hoàn thành** |  | **67** | **60,9** | **71** | **57,7** | **77** | **63,6** | **98** | **68,5** | **85** | **70** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **7. HĐTN** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **73** | **66,4** | **68** | **55,3** | **76** | **62,8** | **64** | **44,8** | **75** | **61,5** |
| **Hoàn thành** |  | **37** | **33,6** | **55** | **45** | **45** | **37,2** | **99** | **69,2** | **47** | **38,5** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **8. GDTC** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **80** | **72,7** | **71** | **57,7** | **76** | **62,8** | **83** | **58** | **67** | **54,9** |
| **Hoàn thành** |  | **30** | **27,3** | **52** | **42,3** | **45** | **37,2** | **60** | **42** | **55** | **45,1** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **9. Tiếng Anh** | **619** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  | **54** | **49,1** | **59** | **48** | **45** | **37,2** | **51** | **35,7** | **44** | **36,1** |
| **Hoàn thành** |  | **56** | **50,9** | **64** | **52** | **76** | **62,8** | **92** | **64,3** | **78** | **63,9** |
| **Chưa hoàn thành** |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **10. Khoa học** | **265** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  |  |  |  |  |  |  | **81** | **56,6** | **72** | **76,2** |
| **Hoàn thành** |  |  |  |  |  |  |  | **62** | **43,4** | **29** | **23,8** |
| **Chưa hoàn thành** |  |  |  |  |  |  |  | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **11. LS&ĐL** | **265** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  |  |  |  |  |  |  | **66** | **46,2** | **65** | **53,2** |
| **Hoàn thành** |  |  |  |  |  |  |  | **77** | **53,8** | **57** | **46,8** |
| **Chưa hoàn thành** |  |  |  |  |  |  |  | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **12.CÔNG NGHỆ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** | **386** |  |  |  |  | **47** | **38,8** | **66** | **46,2** | **65** | **53,2** |
| **Hoàn thành** |  |  |  |  |  | **74** | **61,2** | **77** | **53,8** | **57** | **46,8** |
| **Chưa hoàn thành** |  |  |  |  |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **13. Tin học** | **386** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoàn thành tốt** |  |  |  |  |  | **47** | **38,8** | **54** | **37,8** | **46** | **37,7** |
| **Hoàn thành** |  |  |  |  |  | **74** | **61,2** | **89** | **62,2** | **76** | **62,3** |
| **Chưa hoàn thành** |  |  |  |  |  | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

1. **Mục tiêu phát triển năng lực:**

*+ Đối với lớp 1*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | | **Cần cố gắng** | | |
|  | SL | TL | SL | TL | | SL | | TL |
| Tự chủ và tự học | 110 | 67 | 60,9 | 43 | 29,1 | 0 | | 0 | |
| Giao tiếp và hợp tác | 110 | 72 | 65,5 | 38 | 34,5 | 0 | | 0 | |
| Giải quyết vđ và sáng tạo | 110 | 61 | 55,5 | 49 | 44,5 | 0 | | 0 | |
| Ngôn ngữ | 110 | 73 | 66,4 | 37 | 33,6 | 0 | | 0 | |
| Tính toán | 110 | 73 | 66,4 | 37 | 33,6 | 0 | | 0 | |
| Thẩm mĩ | 110 | 58 | 52,8 | 52 | 47,2 | 0 | | 0 | |
| Thể chất | 110 | 81 | 73,6 | 29 | 26,4 | 0 | | 0 | |
| Khoa học | 110 |  |  |  |  |  | |  | |

*+ Đối với lớp 2*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Số HS**  **ĐG** | | **Tốt** | | | | **Đạt** | | | | **Cần cố gắng** | | |
|  | SL | | TL | | SL | | TL | | SL | | TL |
| Tự chủ và tự học | 123 | 68 | | 55,3 | | 55 | | 44,7 | | 0 | | 0 | |
| Giao tiếp và hợp tác | 123 | 71 | | 57,7 | | 52 | | 42,3 | | 0 | | 0 | |
| Giải quyết vđ và sáng tạo | 123 | 60 | | 48,8 | | 63 | | 51,2 | | 0 | | 0 | |
| Ngôn ngữ | 123 | 73 | | 59,3 | | 50 | | 40,7 | | 0 | | 0 | |
| Tính toán | 123 | 75 | | 61 | | 48 | | 39 | | 0 | | 0 | |
| Thẩm mĩ | 123 | 70 | | 57 | | 53 | | 43,1 | | 0 | | 0 | |
| Thể chất | 123 | 79 | | 64,2 | | 44 | | 35,8 | | 0 | | 0 | |
| Khoa học | 123 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |

*+ Đối với lớp 3*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
|  | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Tự chủ và tự học | 121 | 69 | 57 | 52 | 43 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 121 | 81 | 66,9 | 40 | 33,1 | 0 | 0 |
| Giải quyết vđ và sáng tạo | 121 | 68 | 56,2 | 53 | 45,8 | 0 | 0 |
| Ngôn ngữ | 121 | 77 | 63,6 | 44 | 36,4 | 0 | 0 |
| Tính toán | 121 | 86 | 71,1 | 35 | 28,9 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 121 | 64 | 52,9 | 57 | 47,1 | 0 | 0 |
| Thể chất | 121 | 84 | 69,4 | 37 | 30,6 | 0 | 0 |
| Khoa học | 121 |  |  |  |  |  |  |
| Tin học | 121 | 67 | 53,4 | 54 | 44,6 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 121 | 67 | 53,4 | 54 | 44,6 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 4*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
|  | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Tự chủ và tự học | 143 | 78 | 54,5 | 65 | 45,5 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 143 | 73 | 51 | 70 | 49 | 0 | 0 |
| Giải quyết vđ và sáng tạo | 143 | 72 | 50,3 | 71 | 49,7 | 0 | 0 |
| Ngôn ngữ | 143 | 59 | 41,2 | 84 | 58,7 | 0 | 0 |
| Tính toán | 143 | 61 | 42,7 | 83 | 57,3 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 143 | 75 | 52,4 | 68 | 47,6 | 0 | 0 |
| Thể chất | 143 | 89 | 62,2 | 54 | 37,8 | 0 | 0 |
| Khoa học | 143 | 75 | 52,4 | 68 | 47,6 | 0 | 0 |
| Tin học | 143 | 74 | 51,7 | 69 | 48,3 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 143 | 75 | 52,4 | 68 | 47,6 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 5*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
|  | SL | TL | SL | TL | SL | TL |
| Tự chủ và tự học | 122 | 71 | 58,2 | 51 | 41,8 | 0 | 0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 122 | 81 | 66,4 | 41 | 33,6 | 0 | 0 |
| Giải quyết vđ và sáng tạo | 122 | 60 | 49,2 | 62 | 50,8 | 0 | 0 |
| Ngôn ngữ | 122 | 64 | 52,5 | 58 | 47,5 | 0 | 0 |
| Tính toán | 122 | 72 | 59 | 50 | 41 | 0 | 0 |
| Thẩm mĩ | 122 | 72 | 59 | 50 | 41 | 0 | 0 |
| Thể chất | 122 | 78 | 63,9 | 44 | 36,1 | 0 | 0 |
| Khoa học | 122 | 77 | 63,1 | 45 | 36,9 | 0 | 0 |
| Tin học | 122 | 76 | 62,3 | 46 | 37,7 | 0 | 0 |
| Công nghệ | 122 | 76 | 62,3 | 46 | 37,7 | 0 | 0 |

## - Mục tiêu phát triển phẩm chất:

*+ Đối với lớp 1*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 110 | 110 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhân ái |  | 91 | 82,7 | 19 | 17,3 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ |  | 76 | 69,1 | 34 | 30,9 | 0 | 0 |
| Trung thực |  | 82 | 74,5 | 28 | 25,5 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm |  | 61 | 55,5 | 49 | 44,5 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 2*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 119 | 119 | 96,7 | 04 | 3,3 | 0 | 0 |
| Nhân ái |  | 97 | 78,9 | 26 | 21 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ |  | 93 | 75,6 | 30 | 24 | 0 | 0 |
| Trung thực |  | 93 | 75,6 | 30 | 24 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm |  | 75 | 61 | 48 | 39 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 3*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 121 | 121 | 100 |  |  | 0 | 0 |
| Nhân ái |  | 110 | 90,9 | 10 | 9,1 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ |  | 86 | 71,1 | 35 | 28,9 | 0 | 0 |
| Trung thực |  | 119 | 98,3 | 2 | 1,7 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm |  | 97 | 80,2 | 24 | 19,8 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 4*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 143 | 143 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhân ái |  | 116 | 81,1 | 27 | 18,9 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ |  | 80 | 55,9 | 63 | 44,1 | 0 | 0 |
| Trung thực |  | 102 | 71,3 | 41 | 28,7 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm |  | 82 | 57,3 | 61 | 42,7 | 0 | 0 |

*+ Đối với lớp 5*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Số HS**  **ĐG** | **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ | SL | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 122 | 115 | 94,3 | 7 | 5,7 | 0 | 0 |
| Nhân ái |  | 115 | 94,3 | 7 | 5,7 | 0 | 0 |
| Chăm chỉ |  | 83 | 68 | 39 | 32 | 0 | 0 |
| Trung thực |  | 111 | 91 | 11 | 9 | 0 | 0 |
| Trách nhiệm |  | 89 | 73 | 33 | 27 | 0 | 0 |

Năm học 2024 - 2025, nhà trường vẫn tiếp tục đảm bảo 100% HS được học 2 buổi/ ngày; 100% học sinh lớp 1, 2 tham gia học tự chọn môn Tiếng Anh;

- Phấn đấu đạt 100% HS Hoàn thành chương trình tiểu học;

- Phấn đấu 99-100% HS Hoàn thành chương trình lớp học;

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động tập thể, khám phá trải nghiệm, rèn luyện kĩ năng sống, chương trình phòng chống tai nạn thương tích, an toàn giao thông....

- 100% học sinh được giáo dục bảo vệ môi trường và biết để rác đúng nơi quy định.

- Tổ chức được cho 100% học sinh tham gia học các tiết GDKNS Poki, đảm bảo 99% trở lên HS được hỗ trợ để học tập đạt yêu cầu.

- Đảm bảo thực hiện GD hoà nhập cho 01 học sinh khuyết tật ( toàn trường có 02 hs khuyết tật, trong đó có 01 hs KT không đánh giá) và một số học sinh còn hạn chế với nội dung giáo dục dành riêng cho từng đối tượng, từng dạng khuyết tật.

**IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

- Năm học này, toàn trường tổ chức thực hiện đầy đủ các môn học bắt buộc và hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình GDPT 2018 bao gồm: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, TNXH, GD thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ (lớp 3, lớp 4 và lớp 5) HĐ trải nghiệm, Tin học (lớp 3, lớp 4, lớp 5) và Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2.

- 100% học sinh được học Tiếng Anh. Trong đó lớp 1;2 tự chọn 2 tiết/tuần; lớp 3;4;5 học 4 tiết/tuần.

- 100% học sinh khối 3;4;5 được học Tin học.

- Năm học 2024-2025, đảm bảo 100% học sinh được học hai buổi/ngày 8 đến 9 buổi/tuần.

- Căn cứ Khung chương trình giáo dục tiểu học hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT Lâm Đồng và Phòng GD&ĐT Lâm Hà;

- Xét đề nghị của các tổ chuyên môn, Trường TH Tân Hà I ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học theo bảng phân phối chương trình.

(Phụ lục 1: Bảng phân phối chương trình kèm theo)

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

***a). Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học***

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, đáp ứng nhu cầu thiết thực của học sinh. Các hoạt động giáo dục tập thể sẽ được nhà trường thống nhất, xây dựng phù hợp với chủ đề của từng tháng. Với các hình thức như sau:

*\* Sinh hoạt dưới cờ*

Tổ chức vào sáng thứ Hai hàng tuần gồm các hoạt động nghi lễ; nói chuyện truyền cảm hứng, các hoạt động văn hóa văn nghệ: Múa hát, kể chuyện về Bác Hồ, thầy cô, tham gia các trò chơi,..; truyền thông các vấn đề xã hội mang tính thời sự; tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng: Giới thiệu sách, tuyên truyền phòng tránh dịch bệnh theo mùa,....

*\* Sinh hoạt lớp*

Tổ chức vào tiết 4 sáng thứ sáu hoặc tiết thứ 3, chiều thứ Sáu hàng tuần gồm các hoạt động hành chính của lớp; hoạt động trong và ngoài lớp học; sinh hoạt thi đua theo tổ, nhóm học sinh. Tổ chức các hoạt động truyền thông, triển khai các phong trào chung của nhà trường (nếu có).

*\* Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề (HĐNGLL)*

- Tổ chức hoạt động NGLL định kỳ hàng tháng trong nhà trường: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT: Tổ chức các hội thi: Thi Văn nghệ, Thi Kể chuyện theo sách, Bóng đá mini, báo tường báo ảnh, vẽ tranh theo chủ đề,…

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường:

+ Tổ chức cho học sinh tham quan một số khu di tích, các khu danh lam thắng cảnh tại Đà Lạt.

(Phụ lục 2: Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học)

***b). Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.***

Hiện tại nhà trường không có cơ sở vật chất để tổ chức bán trú cho học sinh. Việc tổ chức các chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày *(sau tiết 3 của buổi chiều các ngày trong tuần)* như các hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh nhà trường dự kiến sau khi họp phụ huynh đầu năm sẽ tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ như học Đàn, Tin học (CLB Tin học, CLB Lập trình, CLB Robot, ...), Mỹ thuật, Tiếng Anh, kỹ năng sống poki và học bơi; hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng…) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí, thực hành kỹ năng sống, ... cho học sinh ngoài ra nếu như phụ huynh đồng ý nhà trường sẽ tổ chức giữ trẻ sau giờ học chính thức các buổi học sinh không tham gia các câu lạc bộ;Thực hiệntrên tinh thần tự nguyện của học sinh, của cha mẹ học sinh có thu phí theo hướng dẫn về thực hiện chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường *(được quy định tại Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04/08/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Nghị quyết số 266/2023/NQ-HĐND)*, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Việc tổ chức các hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, nhà trường xây dựng kế hoạch trình Phòng GDĐT phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường**

Trường Tiểu học Tân Hà I, chỉ có một điểm trường chính, không còn điểm trường lẻ.

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Ngày tựu trường: ngày 26 tháng 8 năm 2024

Ngày khai giảng: ngày 05 tháng 9 năm 2024

Học kỳ I: kết thúc trước ngày 18/01/2025.

Hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 14 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ Trường tiểu học (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn,….)

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng)

### Về kế hoạch học bù các ngày nghỉ lễ trong năm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thứ ngày | Điều chỉnh | Ghi chú |
| Nghỉ Tết Dương lịch 01/01/2025 (Thứ Tư) | Đối với lớp 1: các tiết của ngày thứ Tư (01/01/2025) tổ khối bố trí, sắp xếp dạy bù vào chiều thứ Tư tuần16  Đối với lớp 2: Tổ chức dạy bù buổi sáng thứ Tư vào tuần 16, chiều thứ Tư dạy bù vào chiều thứ Ba tuần 17  Khối 3: Tổ chức dạy bù vào các tiết ôn tập còn lại dạy vào chiều thứ Sáu tuần 17; Khối 4, 5 dạy bù vào hai buổi thứ Sáu tuần 16 và tuần 17. | Giao tổ khối thống nhất điều chỉnh và trình HT phê duyệt trước khi thực hiện. |
| Nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương Thứ Hai (tuần 29) | Các tổ khối điều chỉnh như ngày nghỉ Tết Dương lịch có thể điều chỉnh, bố trí vào tuần 28 hoặc thứ Sáu tuần 29. | Giao tổ khối thống nhất điều chỉnh vào trình HT phê duyệt. |
| Nghỉ lễ 30/4 và 01/5 Thứ Tư, thứ Năm (Tuần 32) | Các tổ khối điều chỉnh như ngày nghỉ Tết Dương lịch có thể điều chỉnh, bố trí vào tuần 32 đến 34 sao cho đến cuối năm hoc phải hoàn thành tất cả các bài theo quy định. | Giao tổ khối thống nhất điều chỉnh toàn bộ kế hoạch từ 02/5 đến kết thúc năm học và trình HT phê duyệt. |

Tại Trường Tiểu học Tân Hà I thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

*a). Đối với khối lớp 1*

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*(Phụ lục 3)*

*b). Đối với khối lớp 2*

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

*(Phụ lục 4)*

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*c). Đối với khối lớp 3*

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(Phụ lục 5)*

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*d). Đối với khối lớp 4*

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*(Phụ lục 6)*

*e) Đối với khối lớp 5*

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*(Phụ lục 7)*

\* Kế hoạch dạy học các môn học: (có tệp đính kèm từng môn học và từng khối lớp). *(Phụ lục 8)*

**V. Kế hoạch tổ chức các hội thi giáo viên**

**Hội thi Giáo viên dạy giỏi**

- Đối tượng: Giáo viên tham dự Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường là những giáo viên đang trực tiếp giảng dạy tại Trường Tiểu học Tân Hà I.

- Tiêu chuẩn: Giáo viên tham gia dự thi đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 8, Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 22/12/2019 của Bộ GD&ĐTThông tư Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

- Nội dung thi: Theo Khoản 1, Điều 7

Thực hành dạy một tiết theo kế hoạch giảng dạy tại thời điểm diễn ra Hội thi. Tiết dạy tham gia Hội thi được tổ chức lần đầu tại lớp học với nguyên trạng số lượng học sinh của lớp đó. Giáo viên không được dạy trước (dạy thử) tiết dạy tham gia Hội thi trong năm học tổ chức Hội thi. Giáo viên được thông báo và có thời gian chuẩn bị cho tiết dạy trong thời gian không quá 02 ngày trước thời điểm thi;

b) Trình bày một biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy của cá nhân tại cơ sở giáo dục, nơi giáo viên đang làm việc. Thời lượng trình bày biện pháp không quá 30 phút, bao gồm cả thời gian Ban Giám khảo trao đổi. Biện pháp được lãnh đạo cơ sở giáo dục xác nhận áp dụng hiệu quả và lần đầu được dùng để đăng ký thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục phổ thông và chưa được dùng để xét duyệt thành tích khen thưởng cá nhân trước đó.

- Thời gian thi: Tháng 10/2024.

**VI. Giải pháp thực hiện**

**1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Công khai và dân chủ trong đơn vị, với Ban đại diện CMHS quá trình bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Tiết kiệm các nguồn chi trong đơn vị, mua sắm trang thiết bị, tăng cường cơ sở vật chất,.

**2. Thực hiện công tác đội ngũ**

*-* Để nâng cao chất lượng đội ngũ, năm nay nhà trường sẽ tiếp tục chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chú trọng những nội dung sau:

+ Năm học 2024 - 2025 triển khai CTGDTH 2018 đối với tất cả các khối lớp, là năm đầu tiên lớp 5 thực hiện CT GDPT 2028 do đó tổ chuyên môn các khối 1 đến khối 4 tiếp tục học hỏi, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ dạy; khối 5 tổ chức cho giáo viên nghiên cứu kỹ sách giáo khoa, chuẩn bị trang thiết bị dạy học, tìm tòi sử dụng các phương pháp, HTTC dạy học linh hoạt để các tiết học sinh động, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

+ Năm học này, nhà trường sẽ vận dụng lồng ghép STEM vào dạy học.

+ Giao quyền chủ động cho GV, các tổ CM trong việc XDKH bài dạy, KH tổ,... chia sẻ chung toàn trường, thảo luận, thống nhất vận dụng chung (Khung KH), cụ thể, chi tiết của mỗi tổ, mỗi cá nhân GV phụ thuộc tình hình của tổ, của HS trong lớp,...).

+ Tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, AIDS, ma túy; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường, không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; tổ chức hoạt động trải nghiệm, GD địa phương,... theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

+ Giáo viên chủ động vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm, tổ chức hướng dẫn cho học sinh học, tham gia hoạt động, giải quyết vấn đề để có thể tự chiếm lĩnh kiến thức, đạt được mục tiêu hay yêu cầu cần đạt của bài học; thực hiện các hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục tích cực, tạo được hứng thú cho học sinh; huy động sự tham gia của mọi học sinh vào các hoạt động học tập, rèn luyện.

+ Chỉ đạo giáo viên chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

+ Trong quá trình tổ chức dạy học, cần lưu ý đến cách nêu yêu cầu hay giao nhiệm vụ học tập cho học sinh; quan tâm theo dõi, quan sát, bao quát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh; khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; các biện pháp hỗ trợ học sinh, phát huy hết khả năng của học sinh; phân tích, tổng hợp, đánh giá quá trình học tập và kết quả hoạt động của học sinh; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo, lôi cuốn học sinh vào quá trình tìm hiểu, khám phá, vận dụng kiến thức; giúp học sinh có hứng thú và có niềm tin trong học tập, rèn luyện để hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

+ Đối với Hoạt động trải nghiệm, tất cả học sinh đều được chủ động tham gia và tham gia điều hành trong quá trình tổ chức các hoạt động.

+ Nhà trường chú trọng trang bị hệ thống hạ tầng CNTT; tích cực tham mưu, dành kinh phí trang bị thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị tối thiểu. Qui định cụ thể về việc yêu cầu giáo viên khai thác, sử dụng trong thực hiện kế hoạch giáo dục; Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên năng lực sử dụng CNTT, ứng dụng các công nghệ mới vào quá trình dạy học, giáo dục học sinh (sách GK điện tử, học liệu điện tử).

- Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, tư vấn giúp đỡ giáo viên;

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia lớp học nâng cao trình độ đảm bảo chuẩn nghề nghiệp theo Luật Giáo dục 2019.

**3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

Tập trung chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn về tổ chức dạy học, tăng cường các hoạt động dự giờ, thăm lớp, trao đổi, chia sẻ để hoàn thiện từng bước nội dung, kế hoạch, tổ chức dạy học ở tiểu học hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh thông qua sinh hoạt chuyên môn tại trường, qua các hội nghị, hội thảo, giao lưu học tập giữa các nhà trường trong cụm xã, trong huyện.

Hiệu trưởng nhà trường cần nắm vững mục đích, nội dung, qui trình thực hiện sinh hoạt tổ chuyên môn để chỉ đạo thực hiện.

\* Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên: Tổ chức định kỳ ít nhất 2 lần/tháng, bao gồm các nội dung:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục đề xuất, thống nhất và thực hiện.

- Thảo luận các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học; thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, làm cho nội dung các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu học cập nhật, phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với vùng miền.

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phát huy vai trò chủ động tích cực của học sinh.

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh.

- Các hoạt động hành chính, sự vụ khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn theo quy định.

\* Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

- Thảo luận việc xây dựng các chuyên đề dạy học, căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Hoặc tổ chức sinh hoạt chuyên đề về những vấn đề mới, khó trong chương trình dạy học giáo dục từng khối, lớp.

- Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh; xây dựng các ma trận đề kiểm tra và đề kiểm tra; mô tả các câu hỏi và bài tập theo 3 mức (nhận biết, kết nối, vận dụng) TT27/2020.

- Thảo luận trao đổi về sáng kiến kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên và cán bộ quản lí.

- Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trong và ngoài huyện.

\* Chỉ đạo thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (dựa trên phân tích hoạt động học tập của học sinh):

- Giúp giáo viên tìm các giải pháp trong quá trình dạy học nhằm nâng cao kết quả học tập của học sinh. Người dự giờ tập trung phân tích hoạt động học của học sinh, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải, giáo viên dạy minh họa và người dự giờ cùng nhau tìm các giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập, mạnh dạn đưa ra những thay đổi, điều chỉnh nội dung, cách dạy cho phù hợp với đối tượng học sinh.

- Quan tâm tới tất cả học sinh trong lớp, đặc biệt chú ý tới những học sinh gặp khó khăn trong học tập, hoặc ít tham gia vào các hoạt động học tập, không bỏ rơi bất cứ học sinh nào.

- Tạo cơ hội cho giáo viên phát triển năng lực chuyên môn, phát huy tính sáng tạo của mình. Thông qua việc dạy và dự giờ minh họa mỗi giáo viên tự rút ra bài học kinh nghiệm để vận dụng trong các giờ dạy của mình. Dự giờ, nghiên cứu bài học, không đánh giá xếp loại giờ dạy của giáo viên theo các tiêu chí, quy trình đã được thống nhất, quy định.

- Xây dựng các chuyên đề nghiên cứu bài học theo quy trình 4 bước,tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và hiệu quả giáo dục;chuyên đề được thực hiện theoqui trình,sau mỗi chuyên đề phải có đánh giá và điều chỉnh nhằm áp dụng vào thực hiện kế hoạch dạy học hợp lí.

**4. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành**

*a). Bồi dưỡng học sinh năng khiếu*

Sau 1 tháng trực tiếp giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn nắm bắt, phát hiện và tuyển chọn học sinh có năng khiếu: Âm nhạc, Thể dục thể thao; tiếng Anh, Toán, Tiếng Việt (đá bóng, điền kinh, cờ vua,..).

Phân công giáo viên phụ trách bồi dưỡng là GVCN, GV chuyên phụ trách môn học.

\* Phân công đồng chí Hoàng Thị Huấn, phó hiệu trưởng:

- Xây dựng kế hoạch, xếp lịch bồi dưỡng cho từng môn học (HĐGD) cụ thể;

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, nắm bắt tình hình chung; tổ chức hội ý hàng tuần cùng các tổ trưởng chuyên môn, nắm bắt thực tế, bàn biện pháp điều chỉnh, bổ sung;

Riêng học sinh có năng khiếu Toán, Tiếng Việt, chữ viết đẹp,... GVCN tự bồi dưỡng trong các tiết học theo đối tượng học sinh.

\* Tổ chuyên môn:

- Chỉ đạo giáo viên được phân công trong tổ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng;

- Theo dõi, kiểm tra thường xuyên, nắm bắt chất lượng chung;

- Báo cáo, đề xuất những nội dung công việc cần hỗ trợ, vấn đề cần chỉ đạo tiếp theo một cách thường xuyên cho lãnh đạo nhà trường.

\* Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng:

- Thực hiện theo kế hoạch chỉ đạo;

- Định kỳ hàng tháng, báo cáo kết quả công tác bồi dưỡng, sự tiến bộ (hạn chế) của từng học sinh cho tổ trưởng, lãnh đạo nhà trường;

- Thường xuyên trao đổi tình hình về ý thức tham gia học tập, mức độ tiếp thu của học sinh cho GVCN lớp;

- Định kỳ hàng tháng, gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ học sinh để cùng phối hợp bồi dưỡng học sinh;

- Đề xuất, kiến nghị những nội dung, vấn đề liên quan (nếu cần).

\* Thời gian: Dạy vào buổi chiều thứ sáu hàng tuần hoặc sau giờ học chính khóa buổi chiều.

*b). Phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập*

Trên cơ sở bàn giao chất lượng học sinh giữa GVCN năm học trước vào tháng 8/2023 (đối với GV tiếp nhận lớp mới); căn cứ tình hình tiếp thu của học sinh mà mình đã từng giảng dạy (đối với GV theo lớp), giáo viên chủ nhiệm báo cáo tình hình cụ thể, lập danh sách đối tượng học sinh cần phụ đạo.

Nhà trường căn cứ năng lực, tinh thần trách nhiệm, kinh nghiệm phụ đạo học sinh, phân công cụ thể. Chú trọng đến đối tượng học sinh gặp khó khăn trong học tập, tiếp thu đối với các môn: Toán, tiếng Việt, tiếng Anh lớp 3 đến 5; các môn học (HĐGD) khác, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trực tiếp phụ đạo lồng ghép trong các tiết dạy của mình phụ trách.

\* Phân công đồng chí Cấn Thị Hằng, phó hiệu trưởng

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra khối 4, 5

\* Phân công đồng chí Hoàng Thị Huấn, phó hiệu trưởng

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra khối 1, 2, 3.

\* Tổ chuyên môn:

- Theo dõi tình hình thực hiện, nắm bắt mức độ tiếp thu, hiệu quả công tác phụ đạo;

- Hội ý hàng tuần, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tìm biện pháp phụ đạo phù hợp;

- Báo cáo tiến độ thực hiện; đề xuất, kiến nghị những vấn đề cần hỗ trợ với lãnh đạo nhà trường.

\* Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trực tiếp phụ đạo:

- Linh hoạt trong vận dụng hình thức phụ đạo; chú trọng động viên, khích lệ, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Tuyệt đối không gây áp lực cho học sinh.

- Thường xuyên trao đổi (qua điện thoại, gặp trực tiếp, qua sổ liên lạc điện tử) với cha mẹ học sinh để cùng phối hợp phụ đạo.

\* Thời gian: Thực hiện lồng ghép trong các giờ dạy.

**5. Tham gia các hội thi chuyên môn**

*a). Đối với giáo viên*

Hội thi Giáo viên dạy giỏi

Ngay từ đầu năm học, BGH yêu cầu giáo viên có đủ điều kiện theo Điểm a, Khoản 2, Điều 8, Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 22/12/2019 của Bộ GD&ĐTThông tư Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông chuẩn bị tên SKKN, đăng ký trong buổi họp viên chức cấp tổ.

BGH, TTCM thường xuyên dự giờ, tư vấn giúp đỡ giáo viên, đặc biệt các hoạt động giáo dục (tiết sinh hoạt lớp hoặc tiết HĐTN, hướng nghiệp) để giáo viên có hướng đi đúng, dạy đúng quy trình.

*b). Đối với học sinh*

\* Thi Viết chữ đẹp, giữ vở sạch

- Đối tượng: Học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi khối không quá 10%/tổng số học sinh.

- Nội dung:

+ Học sinh tham gia 2 bài thi viết với thời gian 25 phút/bài, 1 bài viết kiểu chữ đứng, nét đều (bài viết số 1), 1 bài viết kiểu chữ sáng tạo (bài viết số 2); đề thi do BTC ra cho từng khối;

+ Học sinh nộp 1 quyển vở viết từ đầu năm đến thời điểm tham gia thi (loại vở do BTC chọn trong số các quyển vở HS viết tại lớp);

+ Điểm bài viết số 1 hệ số 2; Điểm bài viết số 2 hệ số 1; Điểm vở hệ số 1;

+ Kết quả xếp thứ hạng và khen thưởng là điểm trung bình cộng của 2 bài viết và điểm vở.

- Thời gian: Tháng 01/2025.

\* Thi Văn nghệ

- Mỗi lớp tham gia 01 tiết mục (yêu cầu chính là Hát); hình thức thể hiện: Đơn ca, Song ca, Tam ca, Hợp ca,... Khuyến khích múa phụ họa.

- Nội dung: Ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ca ngợi quê hương đất nước, thầy cô, cha mẹ, tình bạn.

- Thời gian thi: tháng11/2024

\* Thi Bóng đá mini, cờ vua

*- Thi bóng đá mini:*

+ Đối tượng: Học sinh khối lớp 3, 4, 5

+ Hình thức: Bảng A: Học sinh khối lớp 5 thi đấu vòng tròn, Bảng B: Học sinh khối lớp 4, Bảng C: khối 3. Khối 3, 4 thi đấu loại trực tiếp. Chung kết tranh nhất, nhì: Đội nhất Bảng A gặp nhất Bảng B.

*\*Thi cờ vua:*

+ Đối tượng: Học sinh các khối lớp từ 1 đến 5

+ Hình thức: Thi đấu theo độ tuổi, giới tính: Độ tuổi lớp 1, Lớp 2 và 3, Lớp 4 và 5.

- Thời gian thi: Tháng 12/2024.

(Tham gia các cuộc thi do các cấp, do địa phương phát động)

**6.Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học**

*a). Dạy học Lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chú trọng dạy học phát triển năng lực của học sinh: các em sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để làm được gì sau khi học, nghĩa là học sinh phải chuyển từ biết (nhận thức) sang làm (hành động). Trước đây chúng ta luôn chú trọng “dạy cái gì?”, thì bây giờ cần chuyển sang “dạy cách” (cách đọc sách, cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới…), từ chủ yếu quan tâm học sinh “học cái gì?” chuyển sang quan tâm hơn về “học như thế nào?”.

Giáo viên không chỉ truyền thụ kiến thức mà phải dẫn dắt, truyền cảm hứng, hướng dẫn cho học sinh tự mình phát triển năng lực và phẩm chất. Định hướng cho các em tự mình tìm kiếm thông tin, khám phá tri thức, tự mình rèn luyện các kỹ năng và đưa ra lựa chọn giá trị sống cho bản thân, học sinh sẽ hình thành, phát triển được năng lực và phẩm chất.

Trong dạy học theo hướng đổi mới, giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn, gợi ý, hỗ trợ, tham gia, tổ chức, phân tích và tư vấn, giúp đỡ học sinh.

Giáo viên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thường xuyên tham khảo hệ thống tài nguyên hỗ trợ dạy học. Sử dụng hợp lý phương tiện công nghệ thông tin giúp làm giảm lao động của giáo viên, kích thích hứng thú học tập của học sinh.

Khi tổ chức các hình thức dạy học tích cực, giáo viên cần đặc biệt lưu ý hoạt động cá nhân. Mỗi học sinh khi học tích cực cần phải tự đọc, nghe, nhìn,... để có được ý kiến riêng, sau đó mới tham gia thảo luận, trao đổi nhóm.

Giáo viên phải nắm bắt được đối tượng học sinh trong lớp để có hình thức giảng dạy phân hóa phù hợp, phải xác định học sinh đang ở mức nào, gặp những khó khăn gì để vận dụng các kĩ thuật dạy học thích hợp: học sinh khác nhau được giao nhiệm vụ khác nhau, sự hỗ trợ, giúp đỡ của giáo viên cho từng em khác nhau.

Để phát triển năng lực cần thay đổi cách dạy, cách học, cách đánh giá. Tổ chức các hoạt động học phù hợp: học sinh nắm thông tin, kiến thức từ kênh chữ, thì các em sẽ phát triển năng lực đọc hiểu; học sinh cùng nhau tìm hiểu thông tin, thảo luận,... thì các em phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác,... Tương tự, học sinh sẽ hình thành và phát triển các năng lực khác nhau khi được yêu cầu thực hiện các hoạt động khác nhau.

Giáo viên phải đổi mới cách tiếp cận môn học, từ chỗ chú trọng trang bị nội dung kiến thức sang giúp học sinh phát triển năng lực và phẩm chất theo hướng dẫn của chương trình môn học. Do đó, không chỉ đổi mới phương pháp giảng dạy mà phải đổi mới cả cách tổ chức giảng dạy.

Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

*b). Triển khai giáo dục STEM*

Xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện giáo dục STEM *(theo hướng tiếp cận)* theo yêu cầu trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 cụ thể:

- Xây dựng KHGD nhà trường, KHDH các môn học/HĐGD thực hiện giáo dục STEM bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương.

- Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, CMHS, học sinh về vai trò của giáo dục STEM; tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học (STEM) tích hợp một số môn học/ hoạt động giáo dục có trong chương trình vào STEM giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau, thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của học sinh.

- Chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục STEM, tham gia tập huấn do PGD tổ chức (tháng 9/2024)

- Nhà trường giao mỗi giáo viên chọn xây dựng và tổ chức thực hiện 2 tiết giáo dục STEM/học kỳ, 4 tiết/năm học.

c*). Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường, triển khai áp dụng Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh lâm Đồng - Lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Khi xây dựng kế hoạch, cần chú ý lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

Giáo viên sưu tầm, tận dụng các thiết bị, dụng cụ, các công cụ lao động, vật liệu sẵn có tại địa phương thiết kế ***các mô hình, tiểu cảnh, các không gian xanh phù hợp để áp dụng dạy học tài liệu giáo dục địa phương*** tích hợp Hoạt động trải nghiệm một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, tạo hứng thú cho học sinh qua mỗi tiết học góp phần phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

**7. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học**

*a). Dạy học Ngoại ngữ*

- Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Khi triển khai thực hiện cần chú ý đến các yếu tố: sự tự nguyện tham gia học của học sinh, chất lượng đạt chuẩn của đội ngũ tham gia giảng dạy; thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định; đảm bảo tính chất làm quen của chương trình; tạo hứng thú, sự yêu thích môn học và không gây quá tải cho học sinh.

- Tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Khuyến khích giáo viên sử dụng các dự án học tập để thay thế bài kiểm tra học kỳ.

- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy, học ngoại ngữ. Đảm bảo điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định. Hướng tới xây dựng phòng dạy tiếng Anh có đủ trang thiết bị cần thiết để nâng cao chất lượng giảng dạy như bảng tương tác thông minh, loa, đài,…

- Tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh cho giáo viên và học sinh: tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; khuyến khích đọc sách, truyện tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên tiểu học tham gia cùng học tiếng Anh với học sinh…(Nhà trường mua thêm một số sách, truyện song ngữ giúp học sinh học tốt môn Tiếng Anh).

- Phát động học sinh tham gia thi IOE trên mạng, giao cho GV tiếng Anh phối hợp với GVCN động viên, giúp đỡ, theo dõi HS tham gia, hàng tháng báo cáo về chuyên môn tình hình số lượng học sinh tham gia.

Dự kiến sau khi họp phụ huynh nếu có sự thống nhất cao, nhà trường sẽ thực hiện xã hội hóa trong dạy học ngoại ngữ (tiếng Anh) để tăng cường thời lượng học và dạy học ngoại ngữ cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà *(sau tiết 3 của buổi chiều các ngày trong tuần),* Thực hiệntrên tinh thần tự nguyện của học sinh, của cha mẹ học sinh có thu phí *(theo hướng dẫn về thực hiện chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường được quy định tại Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04/08/2021 và Nghị quyết số 266/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng);* nhằm tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ (tiếng Anh) qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ (tiếng Anh) ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

- Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch trình Phòng GDĐT phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

*b). Dạy học Tin học*

Thực hiện theo Công văn số 1772/SGDĐT ngày 16/9/2019 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức đánh giá Tin học cấp tiểu học từ năm học 2019 - 2020, chuyên môn chỉ đạo giáo viên Tin học thực hiện có hiệu quả việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học, thường xuyên sửa chữa để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học và kỹ năng thực hành cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động giúp học sinh lớp 1, lớp 2 được làm quen với tin học và đáp ứng sở thích, nhu cầu, phát hiện và bồi dưỡng phát triển năng lực tin học, tư duy khoa học máy tính, hình thành và nuôi dưỡng đam mê khoa học, công nghệ cho học sinh tiểu học.

Nhà trường chuẩn bị tốt điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo được tập huấn, bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT, từng bước được chuẩn hóa để tổ chức dạy học Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**8. Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh**

Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT, Thông tư Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Căn cứ vào chuẩn KT-KN của chương trình, giáo viên thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức kĩ năng. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Giáo viên cần phối hợp linh hoạt các kỹ thuật đánh giá, có biện pháp cụ thể giúp đỡ học sinh kịp thời; giúp học sinh sửa sai, tránh sửa sai hộ trên các sản phẩm của học sinh; Lời nhận xét trên vở hoặc trên sản phẩm phải thật sự giúp học sinh biết tự khắc phục để tiến bộ ở các bài sau.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn theo dõi, chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh đối với môn mình dạy.

Tổ chức SHCM, tiếp tục hỗ trợ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về kỹ thuật đánh giá thường xuyên học sinh, rút ra những bài học kinh nghiệm; tư vấn kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực đánh giá học sinh theo Thông tư 27; việc đánh giá học sinh đảm bảo thực chất, hiệu quả. Thực hiện lưu trữ đầy đủ Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp theo qui định.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và nghiên cứu bài trước khi dạy, thực hiện các phương pháp dạy học tích cực.

Không tổ chức kiểm tra, khảo sát đầu năm học đối với tất cả các các khối lớp. Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học nghiêm túc, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

**9. Tổ chức dạy học môn tự chọn**

*a). Dạy học tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2*

Nhà trường triển khai trên tinh thần chỉ đạo của ngành, sự tự nguyện của cha mẹ học sinh; thực hiện thu học phí theo quy định thu đủ chi.

Thực hiện dạy học theo hướng dẫn của ngành.

Tài liệu tiếng Anh i-Learn Smart Start của Tập đoàn Giáo dục Đại Trường Phát (DTP)

Thời lượng: 2 tiết/tuần

Thông qua tổ chức dạy học, trò chơi, giáo viên tổ chức cho học sinh làm quen tiếng Anh, cách phát âm chuẩn, chú trọng nghe, nói.

*b). Dạy Kỹ năng sống Poki*

Nhà trường phối hợp với Công ty cổ phần kết nối trường học Việt Nam tổ chức dạy Kỹ năng sống Poki cho học sinh trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh, thu học phí theo quy định.

Thời lượng: 1 tiết/tuần.

Chương trình “*Giáo dục kỹ năng sống POKI*” được chuyển giao để giáo viên trực tiếp dạy học sinh thông qua bộ phần mềm giáo án điện tử dành cho giáo viên. Phần mềm được tích hợp nhiều công cụ cho giáo viên như:

*Giáo án hướng dẫn chi tiết tiến trình giảng dạy KNS theo 35 tiết học;*

*File/tệp trình chiếu hỗ trợ giảng dạy, tương tác giữa người dạy và học sinh với các video clips, hình ảnh trực quan, câu chuyện, flash…;*

*Mô tả các hoạt động trải nghiệm với các trò chơi, hoạt động thảo luận nhóm, sắm vai, đóng kịch,…;*

Với mục tiêu trang bị những tri thức và kỹ năng cần thiết nhằm hình thành năng lực cho trẻ để trở thành công dân có đủ tự tin, trách nhiệm, tự lập, chủ động, thành công và hạnh phúc trong thế kỷ 21, chương trình kỹ năng sống Poki được thiết kế gồm 4 nhóm năng lực về “Thường thức cuộc sống”, “Giao tiếp và tương tác”, “Tư duy học tập và sáng tạo”, “Sử dụng thông tin và ứng dụng công nghệ”, 14 nhóm chủ đề (năm học trước 16 nhóm chủ đề)

Không chỉ ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy của giáo viên, học sinh và cha mẹ sẽ được cung cấp tài khoản truy cập hệ thống luyện kỹ năng sống online tại địa chỉ [www.poki.vn](http://www.poki.vn) để tương tác tại nhà.

*c). Dạy bơi (làm quen môi trường nước), rèn luyện sức khỏe*

Năm học này nhà trường tiếp tục tổ chức cho học sinh học bơi trên tinh thần chỉ đạo của ngành, sự tự nguyện của cha mẹ học sinh; thực hiện thu học phí theo quy định thu đủ chi.

Thời lượng: 1 tiết/tuần được sắp xếp trong thời khóa biểu chính thức nhằm đảo bảo sức khỏe cho học sinh tham gia học bơi.

d) Dạy năng khiếu Mĩ thuật

Năm học này nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức cho học sinh học năng khiếu mĩ thuật, theo tinh thần tự nguyện của phụ huynh, thực hiện thu phí theo quy định thu đủ chi.

Thời lượng: 2 tiết/tuần được sắp xếp sau giờ học chính khóa buổi chiều nhằm đảo bảo sức khỏe cho học sinh và để phát triển năng khiếu cho học sinh.

**10.** **Giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập**

*a) Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật*

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật; chỉ đạo, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật Luật người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật *(Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ LĐTB&XH quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật).*

Nhà trường bảo đảm các điều kiện để trẻ khuyết tật (1 học sinh lớp 1B và 01 học sinh lớp 2D) được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, được hòa nhập và yêu cuộc sống; tham mưu với các cấp có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập theo quy định.

*b) Đối với trẻ em lang thang cơ nhỡ*

Trong năm học 2024-2025, nhà trường có 2 học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (học sinh theo bố mẹ từ miền Tây lên đi làm thuê tại thôn Phúc Thọ 2), gồm 1 học sinh nam, sinh năm 2012 và 1 học sinh nữ, sinh năm 2014, hiện học sinh đang học tại lớp 2B. Giao chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục linh hoạt cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ theo kế hoạch dạy học và thời khoá biểu được điều chỉnh phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường. Nội dung học tập cần tập trung vào các môn Toán, Tiếng Việt nhằm rèn kỹ năng đọc, viết và tính toán cho học sinh. Đánh giá học sinh có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định *(Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn).* Định kỳ (hàng tháng) tổ chức kiểm tra đánh giá để có thể chuyển học sinh lên các lớp trên theo trình độ cao dần, giúp học sinh học hòa nhập theo độ tuổi của các em.

**11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số**

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Thực hiện Công văn số 58/UBND-VHTT ngày 10/01/2023 của UBND huyện Lâm Hà về việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, Kế hoạch số 170/KH-GD ngày 02/03/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo huyện Lâm Hà năm 2023.

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại nhà trường, tại địa phương.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm bảo tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn, ... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5%; khuyến khích giáo viên duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục hoặc ôn tập, củng cố kiến thức, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ứng dụng ở nhà, …; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Thực hiện các nội dung chuyển đổi số như Học bạ điện tử, Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, … (*theo kế hoạch và công văn số 827/CV- GD ngày 23/9/2022 của Phòng GDĐT);* Chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc hồ sơ sổ sách điện tử theo hướng dẫn; quản lý, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành quy chế sử dụng của giáo viên; hoàn thành việc đăng tải, cập nhật kế hoạch bài dạy lên hệ thống trước khi tổ chức dạy học.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kĩ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, dịch vụ công trong nhà trường; Thực hiện hồ sơ chuyển trường cho học sinh trực tuyến qua Hệ thống VnEdu thống nhất trên địa bàn huyện.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học môn Tin học; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên Tin học nói riêng và giáo viên tiểu học nói chung để sẵn sàng triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua các hình thức: Dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPH 2018; Tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; Tăng cường tổ chức dạy học Tin học - giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh các lớp cấp tiểu học; Tổ chức các câu lạc bộ giáo dục kĩ năng công dân số (CLB Tin học, CLB Lập trình, CLB Robot, ...).

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chỉ đạo, điều hành chung.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học.

- Tham gia công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Ký ban hành quyết định thành lập (kiện toàn) các Hội đồng tư vấn; biên chế lớp; biên chế giáo viên; biên chế tổ chuyên môn; bổ nhiệm tổ trưởng.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức các phong trào, hội thi, các hoạt động GDNGLL.

- Bổ sung các quy chế, quy tắc: Quy chế thi đua, Quy chế làm việc, Quy tắc ứng xử văn hóa,...

- Xây dựng, ban hành Quy chế chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các môn tự chọn; thực hiện ký hợp đồng giảng dạy Poki, dạy tự chọn tiếng Anh lớp 1, lớp 2.

- Tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Tập huấn CM, tham dự chuyên đề, tự học BDTX, học tập bồi dưỡng Tiếng Anh, Tin học,…

**2. Phó hiệu trưởng**

- Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra đánh giá các mặt hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị của nhà trường; phụ trách chỉ đạo việc đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên;

- Chỉ đạo và phụ trách hoạt động của tổ chuyên môn; công tác xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh chưa hoàn thành; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, theo dõi đánh giá kết quả giáo dục và hiệu quả đào tạo của nhà trường; xây dựng KHGD ngoài giờ lên lớp. Thực hiện làm báo cáo các loại.

- Tham gia các hoạt động của Hội đồng tư vấn.

- Phê duyệt, chỉ đạo KHDH hàng tháng; kế hoạch tổ chức chuyên đề; tập huấn chuyên môn; Chỉ đạo công tác Phổ cập GD.

- Tham gia công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với đặc thù nhà trường, theo đúng quy định của ngành.

- Tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Tập huấn CM, tham dự chuyên đề, tự học BDTX, học tập bồi dưỡng tiếng Anh, tin học,…

**3. Tổ trưởng chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ; đẩy mạnh các biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục; tổ chức sinh hoạt tổ, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ.

- Hàng tháng, kiểm tra đánh giá, xếp loại, rút kinh nghiệm các hoạt động của tổ chuyên môn theo quy định.

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức chuyên đề, tập huấn chuyên môn.

- Tham gia công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

- Tham gia các hoạt động của Hội đồng tư vấn.

**4. Tổng phụ trách Đội**

- Phối hợp với phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động NGLL.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng sống; tổ chức các hoạt động GDNGLL cho học sinh.

- Chỉ đạo, tổ chức Đại hội Liên - Chi đội, củng cố Ban chỉ huy Liên đội; chỉ đạo BCH LĐ thực hiện theo dõi, đánh giá, xếp loại thi đua hàng tuần, hàng tháng của các lớp.

- Tích cực tự học BDTX, tự trau dồi nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ đào tạo, học tập bồi dưỡng tiếng Anh, tin học,…

**5. Giáo viên chủ nhiệm**

- Thực hiện giảng dạy theo phân công; Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng của lớp, của môn học mình phụ trách.

- Kết hợp với Đoàn thanh niên, Đội – Sao và các bộ phận trong thực hiện nhiệm vụ chung.

- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi SHCM, tổ chức chuyên đề, tập huấn do các cấp tổ chức.

- Tích cực tự học BDTX, tự trau dồi nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ đào tạo, học tập bồi dưỡng tiếng Anh, tin học,…

- Tuyên truyền tới cha mẹ học sinh về chương trình giáo dục phổ thông 2018 dưới các hình thức: Trao đổi trực tiếp qua các buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm, cuối học kì 1 và cuối năm; thông qua sổ liên lạc điện tử.

- Thống nhất số lượng các tiết cần tăng thêm ở các môn học: Toán, Tiếng Việt; Hoạt động trải nghiệm hàng tháng.

**6. Giáo viên phụ trách môn học**

- Cùng với giáo viên chủ nhiệm lớp, tổng phụ trách tuyên truyền đến phụ huynh về chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Cùng phụ huynh, GVCN lớp và các giáo viên bộ môn khác giáo dục học sinh đảm bảo mục tiêu môn học mình phụ trách;

- Kết hợp GVCN lớp và các giáo viên bộ môn khác đánh giá học sinh thực chất; chịu trách nhiệm nội dung nhận xét, đánh giá học sinh của mình trên phần mềm Vnedu, CSDL theo đúng thông tư.

**7. Nhân viên**

- Xây dựng kế hoạch, quản lý, tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Thường xuyên nghiên cứu, giới thiệu sách, truyện hàng tháng.

- Thường xuyên kiểm tra, báo cáo tình hình CBQL, GV, NV, HS đến thư viện đọc sách; mượn và sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học.

- Tổ chức Ngày hội đọc sách.

- Phối hợp, giúp đỡ GV thực hiện có hiệu quả Tiết đọc thư viện.

- Thực hiện tốt mô hình Thư viện di động, Thư viện xanh.

**8. Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Chủ động phối hợp với GVCN, với nhà trường trong công tác quản lý, hướng dẫn con em học tập, vui chơi tại nhà, trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Phối hợp với GVCN, các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động phụ huynh trong công tác phối hợp giáo dục với nhà trường, công tác phòng chống dịch bệnh; hỗ trợ học sinh tham gia các hội thi, các hoạt động giáo dục tập thể, tham gia sinh hoạt câu lạc bộ nếu phụ huynh và học sinh có nhu cầu.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của Trường Tiểu học Tân Hà I. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, kế hoạch có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT;  - HT, các PHT;  - Tổ khối, bộ phận;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**      **Nguyễn Thị Thiện** |

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….